

Số: 24 /2024/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 19 tháng 07 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về tài sản khác có giá trị lớn để sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê; danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về tài sản khác có giá trị lớn để sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê; danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương.

2. Các quy định khác về quản lý tài sản cố định không thuộc phạm vi quy định này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố

định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương.

2. Doanh nghiệp được nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

## **Điều 3. Quy định tài sản khác có giá trị lớn**

Tài sản khác (không phải là cơ sở hoạt động sự nghiệp) có giá trị lớn sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 56, Điểm a Khoản 2 Điều 57 Luật Quản lý sử dụng tài sản công là tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

## **Điều 4. Danh mục tài sản cố định đặc thù**

Danh mục tài sản cố định đặc thù quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Chi tiết tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

## **Điều 5. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình**

Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định vô hình được quy định chi tiết tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

## **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

2. Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định về tài sản khác có giá trị lớn để sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê; Danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định; Danh mục tài sản cố định đặc thù và Danh mục tài sản cố định vô hình tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương và Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Sửa đổi Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Xử lý chuyển tiếp

Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thực hiện theo dõi trên sổ sách kế toán đối với các loại tài sản thuộc Danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn

là tài sản cố định quy định tại Phụ lục 01 – Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì từ năm tài chính 2024 không phải theo dõi các loại tài sản thuộc danh mục này theo quy định đối với tài sản cố định hữu hình.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn, triển khai và theo dõi thực hiện Quyết định này.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản căn cứ các nội dung quy định tại Thông tư 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định tại Quyết định này thực hiện việc ghi sổ kế toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (đề b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (đề b/c);
- Chủ tịch, các Phó CT HĐND, UBND tỉnh;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ thông tin (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, KTTC.Khoa.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Quân**

**Phụ lục I:**

**DANH MỤC TÀI SẢN CÓ ĐỊNH ĐẶC THÙ**

*(Kèm theo Quyết định số: 24 /2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 07 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

| <b>TT</b> | <b>Tên tài sản</b>                       |
|-----------|------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Cổ vật</b>                            |
| 1         | Trống đồng Hữu Chung                     |
| 2         | Bia Thanh Hư Động                        |
| 3         | Cửu phẩm Liên Hoa chùa Giám              |
| 4         | Bia Thanh Mai Viên Thông tháp bi         |
| 5         | Cửu phẩm Liên Hoa chùa Động Ngo          |
| 6         | Hệ thống bia ma nhai Động Kính Chủ       |
| 7         | Bia Côn Sơn Tư Phúc tự bi                |
| 8         | Bia Sùng Thiên tự bi                     |
| 9         | Bộ tượng Tam thế Phật chùa Côn Sơn       |
| 10        | Mộc bản chùa Trăm Gian                   |
| 11        | Tượng phật bà Quan Âm                    |
| 12        | Chum gốm hoa nâu Hiệp An thời Trần       |
| 13        | Thống sành tráng men                     |
| 14        | Đĩa (vẽ chim phượng hoàng)               |
| 15        | Đĩa (vẽ ngựa phi)                        |
| 16        | Đĩa (vẽ chim)                            |
| 17        | Kendy                                    |
| 18        | Ấm hình gà                               |
| 19        | Bình tỷ bà                               |
| 20        | Ấm                                       |
| 21        | Hộp 3 ngăn                               |
| 22        | Ấm hai bầu                               |
| 23        | Ấm (hình song phượng)                    |
| 24        | Ấu                                       |
| 25        | Đĩa (men ngọc)                           |
| 26        | Bát (vẽ hoa cúc)                         |
| 27        | Bát (khắc hoa cúc, sen, mai)             |
| <b>II</b> | <b>Hiện vật trưng bày trong bảo tàng</b> |
| 1         | Máy bơm nước HS 200 - 22                 |

|            |                                                                   |
|------------|-------------------------------------------------------------------|
| 2          | Bình thiên nga (S1) (men trắng vẽ lam)                            |
| 3          | Bình thiên nga (vẽ vàng kim)                                      |
| 4          | Bình thiên phúc (S1)                                              |
| 5          | Bình phượng hoàng (S1)                                            |
| 6          | Bình phượng hoàng (vẽ vàng kim)                                   |
| 7          | Độc bình/Lục bình/Lộc bình                                        |
| 8          | Bình tỷ bà                                                        |
| 9          | Bình gốm hoa lam                                                  |
| <b>III</b> | <b>Lăng tẩm</b>                                                   |
| 1          | Lăng mộ Đỗ Quang - thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc                |
| 2          | Lăng mộ Nguyễn Chế Nghĩa- thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc         |
| 3          | Lăng mộ bà Bồi Lạng - xã Bình Lăng, huyện Tứ Kỳ                   |
| 4          | Lăng mộ Vũ Hồn - Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang          |
| <b>IV</b>  | <b>Di tích Quốc gia đặc biệt</b>                                  |
| 1          | Di tích Côn Sơn- Kiếp Bạc tại TP Chí Linh                         |
| 2          | Quần thể di tích An Phụ, Kính chủ, Nhẩm Dương tại Thị xã Kinh Môn |
| 3          | Khu di tích đền Xưa, chùa Giám, đền Bia thuộc huyện Cẩm Giàng     |
| 4          | Khu di tích Văn Miếu- Mao Điền tại huyện Cẩm Giàng                |

**Phụ lục II:**  
**DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ**  
**TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

(Kèm theo Quyết định số: 24 /2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 07 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

| STT        | Danh mục                                                                                                             | Thời gian tính hao mòn (năm) | Tỷ lệ hao mòn (%/năm) |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Quyền tác giả</b>                                                                                                 |                              |                       |
| 1          | Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa                                                                           | 50                           | 2                     |
| 2          | Tác phẩm nghệ thuật                                                                                                  | 50                           | 2                     |
| 3          | Tác phẩm báo chí                                                                                                     | 50                           | 2                     |
| 4          | Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật                                                                                          | 50                           | 2                     |
| 5          | Tác phẩm nhiếp ảnh                                                                                                   | 50                           | 2                     |
| 6          | Tác phẩm kiến trúc                                                                                                   | 50                           | 2                     |
| <b>II</b>  | <b>Quyền sở hữu công nghiệp</b>                                                                                      |                              |                       |
| 1          | Bằng sáng chế                                                                                                        | 20                           | 5                     |
| 2          | Chứng nhận kiểu dáng công nghiệp độc quyền                                                                           | 10                           | 10                    |
| 3          | Chứng nhận, đăng ký nhãn hiệu độc quyền                                                                              | 20                           | 5                     |
| <b>III</b> | <b>Quyền đối với giống cây trồng</b>                                                                                 |                              |                       |
| 1          | Quyền bảo hộ đối với giống cây trồng thân gỗ                                                                         | 25                           | 4                     |
| 2          | Quyền bảo hộ đối với giống cây trồng khác                                                                            | 20                           | 5                     |
| <b>IV</b>  | <b>Phần mềm ứng dụng</b>                                                                                             |                              |                       |
| 1          | Hệ thống Cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo ngành, lĩnh vực quản lý                                 | 5                            | 20                    |
| 2          | Phần mềm kế toán các loại                                                                                            | 5                            | 20                    |
| 3          | Phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, tổ chức, đơn vị | 5                            | 20                    |
| 4          | Phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị              | 5                            | 20                    |
| 5          | Phần mềm ứng dụng khác                                                                                               | 5                            | 20                    |